

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán thế giới sau khi Fed thông báo tăng lãi suất 0.25 điểm phần trăm như kì vọng của các nhà đầu tư

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm, trái ngược với diễn biến đóng cửa của thị trường cơ sở trong phiên đảo hạn phái sinh

[Thông tin doanh nghiệp]

HPG, VDS

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị có thể linh hoạt mua tại hỗ trợ/bán tại kháng cự một phần vị thế trading đối với các cổ phiếu mục tiêu

17/03/2021

| | Chi số | Thay đổi (%, bp) |
|--------------------------|----------|---------------------|
| VNIndex | 1,461.34 | +0.14 |
| VN30 | 1,469.92 | -0.19 |
| HĐTL VN30F1M | 1,472.20 | +0.03 |
| HNXIndex | 446.16 | -0.00 |
| HNX30 | 809.34 | -0.52 |
| UPCoM | 115.94 | -0.09 |
| USD/VND | 22,870 | -0.02 |
| Lợi suất TPCP 10 năm (%) | 2.32 | +1 |
| Lãi suất qua đêm (%) | 2.10 | +13 |
| Dầu (WTI, \$) | 98.32 | +3.45 |
| Vàng (LME, \$) | 1,940.36 | +0.68 |



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,461.34 (+0.14%)
KLGD (triệu CP) 717.4 (+36.6%)
GTGD (triệu US\$) 935.3 (+14.1%)

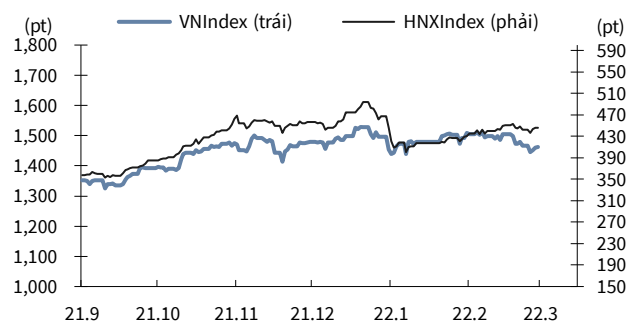
HNXIndex 446.16 (-0.00%)
KLGD (triệu CP) 108.4 (+31.4%)
GTGD (triệu US\$) 109.1 (+12.5%)

UPCoM 115.94 (-0.09%)
KLGD (triệu CP) 57.3 (+2.2%)
GTGD (triệu US\$) 49.3 (+14.8%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +4.9

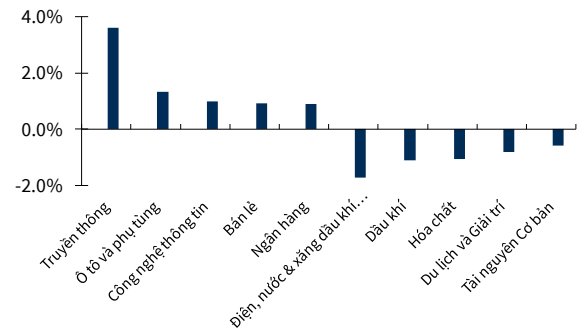
TTCK Việt Nam tăng điểm tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán thế giới sau khi Fed thông báo tăng lãi suất 0.25 điểm phần trăm như kì vọng của các nhà đầu tư. IEA kêu gọi các nước sản xuất dầu mỏ tăng sản lượng để ổn định giá dầu, cổ phiếu dầu khí giảm ở PVD (-3%), PVS (-2.6%). Theo Hiệp hội Chế biến và xuất khẩu thủy sản (VASEP), lần đầu tiên tôm Việt Nam xuất khẩu sang Mỹ đạt kim ngạch hơn 1 tỉ USD, với gần 90,000 tấn, tăng 20% so với năm trước, cổ phiếu ngành tôm tăng ở MPC (+0.2%), SEA (2%). Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố phương án chi tiết mở cửa hoàn toàn du lịch, cổ phiếu ngành du lịch tăng ở OCH (+1.2%), NVT (+6.9%). Khối ngoại mua ròng ở DPM (-4.1%), CTG (+2.2%), PNJ (+0.2%).

VNIndex & HNXIndex



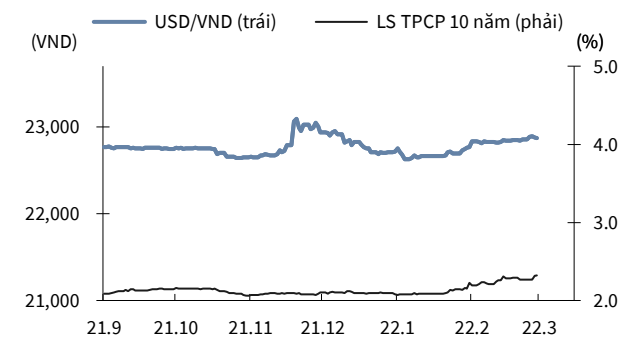
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



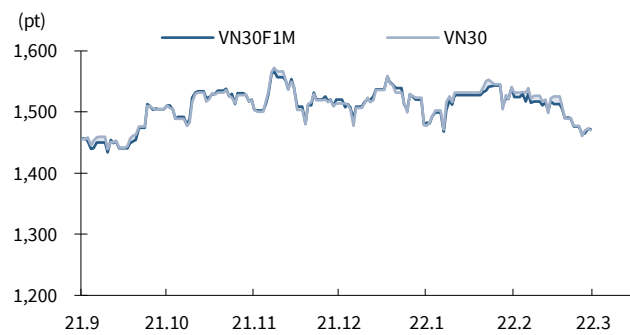
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

| | |
|------------------|--------------------------|
| VN30 | 1,469.92 (-0.19%) |
| VN30F1M | 1,472.2 (+0.03%) |
| Mở cửa | 1,477.5 |
| Cao nhất | 1,478.8 |
| Thấp nhất | 1,468.0 |
| KLGD (HĐ) | 128,429 (+1.8%) |

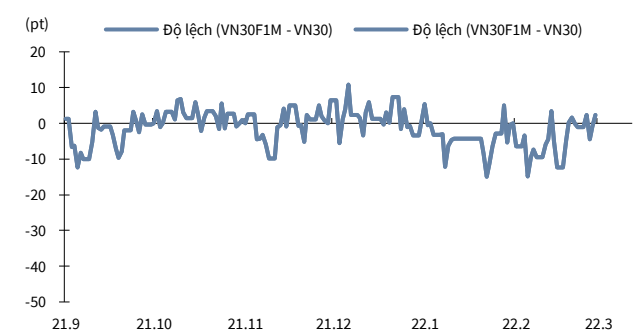
Các HĐTL tăng điểm, trái ngược với diễn biến đóng cửa của thị trường cơ sở trong phiên đảo hạm phái sinh. Chênh lệch F2203 và chỉ số Vn30 tăng lên mức cao nhất phiên tại 4.41 điểm trong đầu phiên sáng sau đó biến động với biên độ hẹp quanh mức -1.52 điểm và bật tăng trong phiên ATC lên mức 2.28 điểm do Vn30 đảo chiều giảm mạnh vào cuối phiên. Khối ngoại bán ròng với thanh khoản thị trường giảm.

HĐTL VN30F1M & VN30



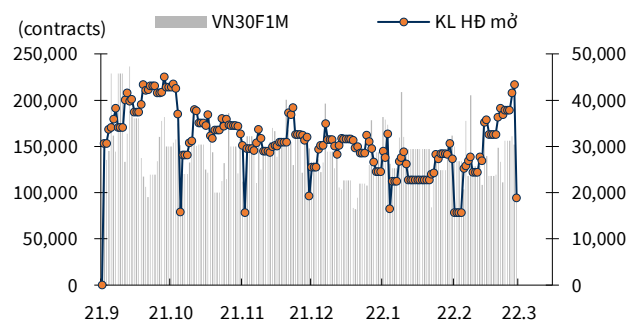
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



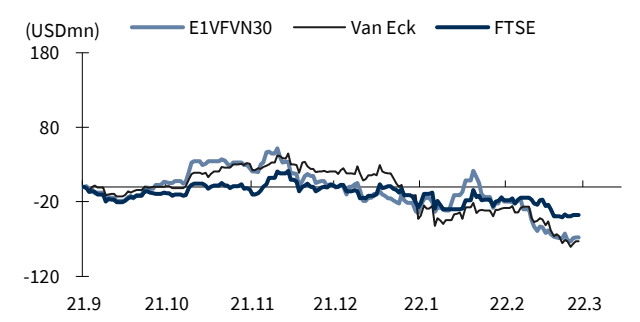
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

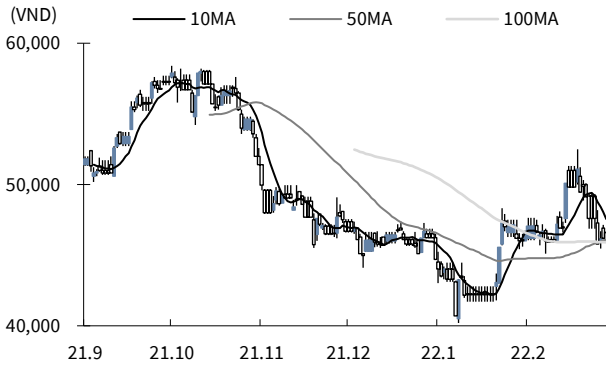
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

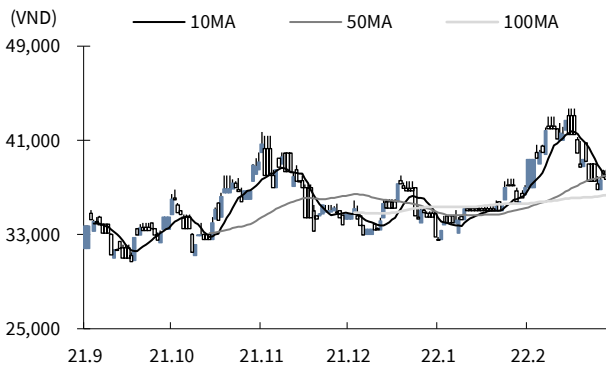
Hòa Phát (HPG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HPG giảm 0.5% xuống 45,950 VND/cp
- Hòa Phát thông qua việc thực hiện dự án sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2 với mức vốn đầu tư dự kiến 85,000 tỷ đồng trong tháng 5. Dự án khu liên hợp 2 dự kiến công suất 5.6 triệu tấn/năm, chủ yếu là thép cuộn cán nóng.
- Hòa Phát còn đề xuất thực hiện nhiều dự án khác tại Quảng Ngãi như dự án Ferro, khu công nghiệp, khu liên hợp 3...

Chứng khoán Rồng Việt (VDS)



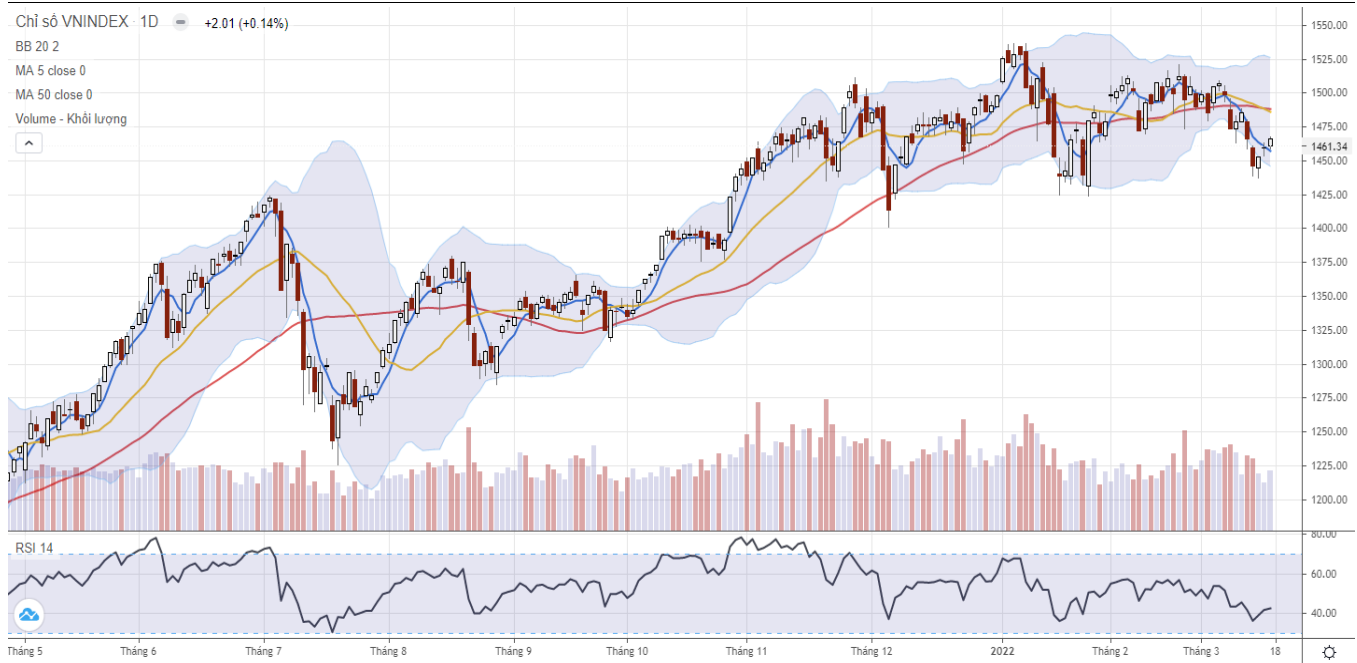
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VDS giảm 0.4% xuống 37,700 VND/cp
- Chứng khoán Rồng Việt đặt mục tiêu kinh doanh 2022 với lợi nhuận 403 tỷ đồng (-5% yoy) trên doanh thu 1,193.6 tỷ đồng (+13.3% yoy).
- Bên cạnh đó, VDS đặt ra kế hoạch chia thưởng tỷ lệ 45%, chào bán cho cổ đông hiện hữu và ESOP tỷ lệ 55%, với giá cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu và ESOP là 10,000 đồng/cp.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

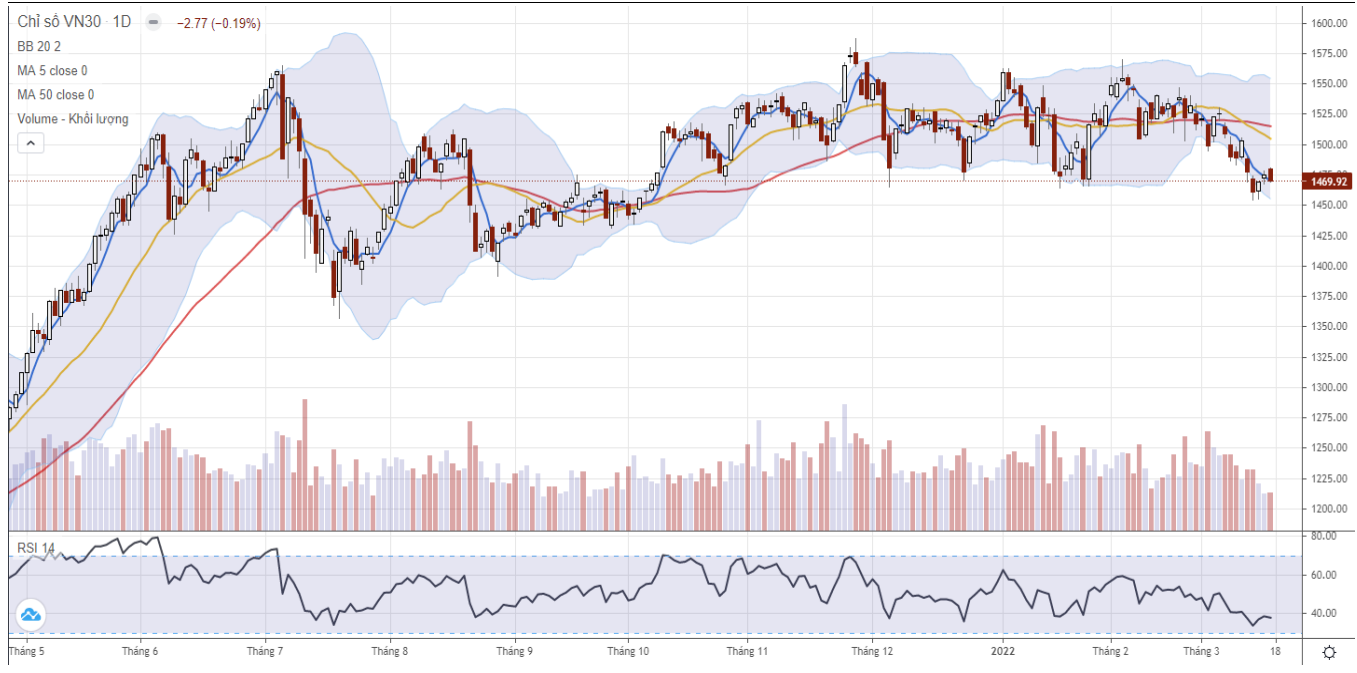
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



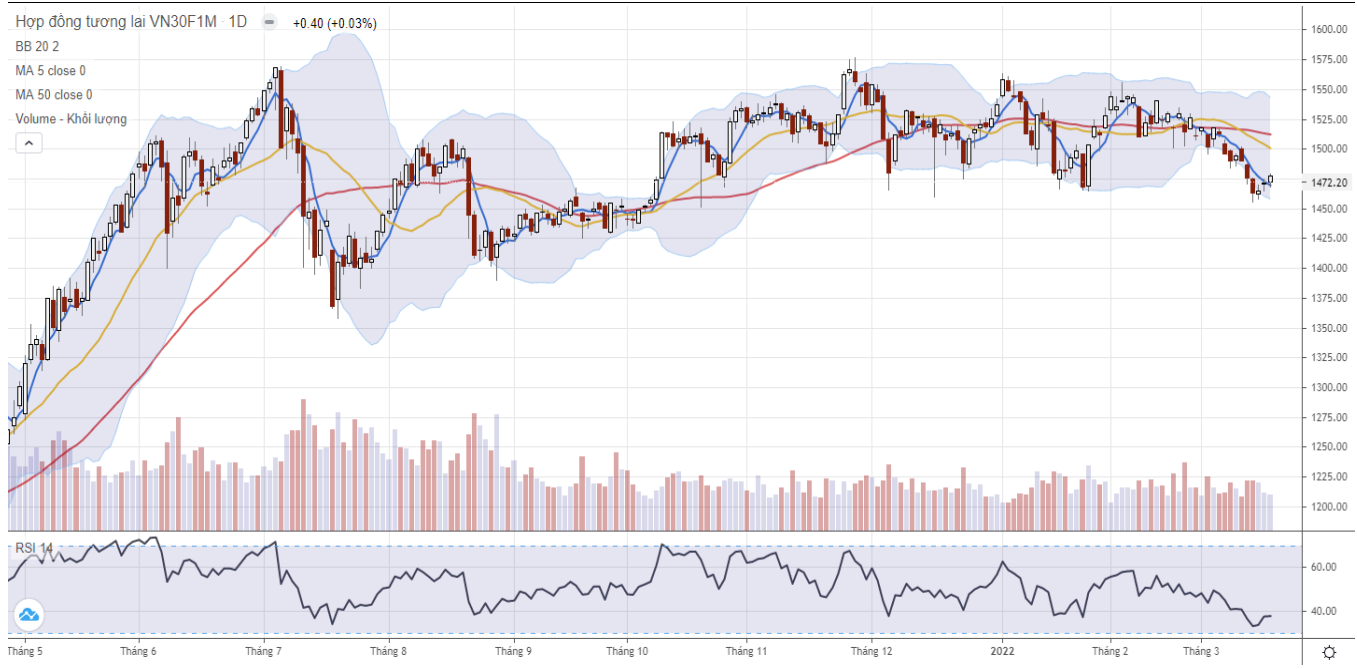
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex ghi nhận một nhịp tăng điểm tích cực trong phiên trước khi suy yếu và đánh mất phần lớn thành quả đạt được về cuối phiên.
- Áp lực bán cân tỷ trọng gia tăng sau hai phiên hồi phục khiến cho đà tăng tích cực của chỉ số không duy trì được đến cuối phiên. Mặc dù áp lực rung lắc sẽ càng trở nên rõ nét hơn, cơ hội mở rộng đà hồi phục và hướng lên vùng cản kế tiếp quanh 1480 của VNIndex vẫn được đánh giá cao.
- NĐT được khuyến nghị có thể linh hoạt mua tại hỗ trợ/bán tại kháng cự một phần vị thế trading đối với các cổ phiếu mục tiêu.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1490 – 1495

Kháng cự gần: 1479 - 1484

Hỗ trợ gần: 1464 – 1469

Hỗ trợ xa: 1457 – 1460

- F1 mở gap tăng điểm đầu phiên trước khi diễn biến giằng co trời sục trong biên độ hẹp đến cuối phiên.
- Áp lực bán gia tăng sau hai phiên hồi phục khiến cho đà tăng tích cực của chỉ số không duy trì được đến cuối phiên. Mặc dù áp lực rung lắc sẽ càng trở nên rõ nét hơn, cơ hội mở rộng đà hồi phục và hướng lên vùng cản kế tiếp quanh 1500 của F1 vẫn được đánh giá cao.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Quay lại chiến lược giao dịch linh hoạt 2 chiều, Long tại hỗ trợ và Short tại kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở 1 phần trạng thái LONG tại vùng hỗ trợ xa nhưng đặt ngưỡng dừng lỗ chặt.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

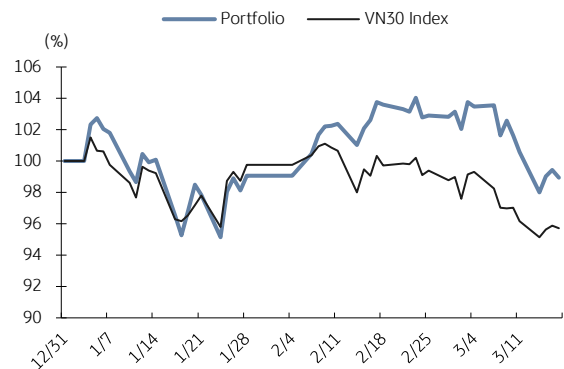
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

| | VN30 Index | Master Portfolio |
|-------------------|------------|------------------|
| Tăng trong phiên | -0.19% | -0.47% |
| Tăng lũy kế (YTD) | -4.28% | -1.05% |

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

| Mã CP | Ngày khuyến nghị | Giá đóng cửa 17/03/2022 | Tăng/giảm trong phiên (%) | Tăng/giảm lũy kế (%) | Điểm nhấn đầu tư |
|---------------------------------|------------------|-------------------------|---------------------------|----------------------|---|
| Mobile World (MWG) | 09/08/2019 | 130,800 | -0.5% | 69.3% | - MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm |
| Dam Phu My (DPM) | 04/03/2022 | 60,500 | -4.1% | 0.3% | - Giá phân bốn tiếp tục duy trì ở mức cao với nguồn cung hạn chế, trong khi nhu cầu trong nước phục hồi - Tình hình tài chính lành mạnh, ROE cao nhất ngành, đòn bẩy thấp |
| Phu Nhuận Jewelry (PNJ) | 22/03/2019 | 103,000 | 0.2% | 34.4% | - Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP" |
| Nam Tan Uyen (NTC) | 11/11/2021 | 202,100 | -1.4% | 5.3% | - Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh |
| Refrig Elec Eng (REE) | 11/10/2018 | 71,800 | 0.8% | 111.2% | - Màng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn |
| FPT Corp (FPT) | 06/09/2018 | 92,000 | 0.4% | 216.0% | - Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Màng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020 |
| Vietin Bank (CTG) | 31/01/2020 | 32,700 | 2.2% | 73.0% | - Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh |
| PV Gas (GAS) | 11/12/2020 | 106,000 | -2.9% | 44.4% | - Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh |
| Hoa Phat Group (HPG) | 04/12/2019 | 45,950 | -0.5% | 217.4% | - Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần. |
| Kinhbanc City Development (KBC) | 09/03/2020 | 52,900 | 1.1% | 286.1% | - Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| DPM | -4.1% | 9.6% | 79.7 |
| CTG | 2.2% | 25.7% | 70.6 |
| PNJ | 0.2% | 48.5% | 51.5 |
| GMD | -0.9% | 42.9% | 38.2 |
| NLG | 2.9% | 31.6% | 35.0 |

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| LPB | 0.9% | 5.1% | -92.8 |
| HPG | -0.5% | 22.4% | -76.1 |
| VIC | 0.4% | 12.8% | -22.2 |
| VND | -1.4% | 19.2% | -44.1 |
| VCI | 0.3% | 20.4% | -26.7 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Ticker | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|--------|--------------|-----------------------|-------------------|
| IDC | 1.8% | 1.3% | 0.9 |
| PVI | 0.6% | 57.9% | 0.6 |
| PGN | 1.3% | 6.2% | 0.6 |
| GIC | 0.0% | 3.4% | 0.3 |
| APS | -0.3% | 0.9% | 0.3 |

| Ticker | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|--------|--------------|-----------------------|-------------------|
| THD | 0.3% | 1.6% | -9.8 |
| VCS | -1.2% | 3.7% | -5.5 |
| PLC | -0.7% | 2.3% | -3.1 |
| CEO | 0.3% | 0.2% | -2.4 |
| BVS | 0.0% | 9.5% | -1.2 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Du lịch và Giải trí | 1.6% | VJC, RIC |
| Ngân hàng | 1.5% | BID, MBB |
| Xây dựng và Vật Liệu | 0.5% | HT1, CTR |
| Truyền thông | 0.0% | YEG, PNC |
| Bất động sản | -0.2% | KHG, DXG |

| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Dầu khí | -9.4% | PLX, PVD |
| Điện, nước & xăng dầu khí đốt | -7.1% | GAS, PGV |
| Tài nguyên Cơ bản | -5.7% | HPG, HSG |
| Hóa chất | -4.5% | GVR, DCM |
| Dịch vụ tài chính | -2.8% | SSI, VCI |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Truyền thông | 11.9% | YEG, PNC |
| Hóa chất | 7.2% | DGC, DCM |
| Y tế | 5.0% | DHG, TNH |
| Xây dựng và Vật Liệu | 3.0% | PC1, DPG |
| Bán lẻ | 2.8% | FRT, DGW |

| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Điện, nước & xăng dầu khí đốt | -8.7% | GAS, POW |
| Thực phẩm và đồ uống | -6.4% | MSN, SAB |
| Bất động sản | -4.5% | VHM, VIC |
| Dầu khí | -4.4% | PLX, PVD |
| Ngân hàng | -4.1% | VCB, VPB |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VNDtriệu, USDmm) | GTGD (VNDtriệu, USDmm) | Room còn lại (%,-1d) | P/E (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | |
|--------------------------|-----|------------------|---------|--------------------------------------|------------------------|----------------------|---------|-------|--------------|---------|------|---------|-----|---------------|------|------|-------|
| | | | | | | | 20E | 21E | | 20E | 21E | 20E | 21E | 1D | 1W | 1M | YTD |
| Bất Động Sản | VIC | VINGROUP JSC | 97,778 | 372,067 (16,170) | 248,041 (10.9) | 22.5 | 264.4 | 69.2 | 14.7 | 1.1 | 4.4 | 3.1 | 2.9 | 0.4 | -0.9 | -5.7 | -17.6 |
| | VHM | VINHOMES JSC | 79,385 | 339,478 (14,753) | 304,829 (13.3) | 26.6 | 9.1 | 7.7 | 35.9 | 25.0 | 23.3 | 2.0 | 1.6 | -0.3 | -1.6 | -8.4 | -9.8 |
| | VRE | VINCOM RETAIL JS | 34,850 | 79,190 (3,442) | 215,228 (9.4) | 17.8 | 27.2 | 18.2 | -7.6 | 8.7 | 11.8 | 2.2 | 2.1 | 1.6 | 0.8 | -6.4 | 7.1 |
| | NVL | NO VA LAND INVES | 45,853 | 86,712 (3,768) | 263,354 (11.5) | 31.3 | 28.8 | 24.4 | 6.7 | 14.2 | 14.6 | 3.7 | 3.2 | -1.0 | -0.5 | -3.0 | -15.8 |
| | KDH | KHANG DIEN HOUSE | 31,182 | 19,167 (833) | 66,508 (2.9) | 11.6 | 23.1 | 17.3 | 18.0 | 14.3 | 13.7 | 3.0 | 2.7 | 1.6 | -0.2 | -6.4 | 0.8 |
| | DXG | DAT XANH GROUP | 21,130 | 12,594 (547) | 463,220 (20.3) | 13.9 | 18.2 | 20.2 | - | 14.8 | 12.4 | 2.5 | 2.4 | 0.0 | 3.7 | 9.2 | 18.9 |
| Ngân hàng | VCB | BANK FOR FOREIGN | 79,937 | 378,305 (16,441) | 122,268 (5.4) | 6.3 | 14.7 | 12.1 | 11.7 | 20.4 | 21.2 | 2.7 | 2.3 | 0.6 | -0.6 | -5.1 | 5.3 |
| | BID | BANK FOR INVESTM | 34,507 | 174,556 (7,586) | 109,001 (4.8) | 12.7 | 16.4 | 11.8 | -5.3 | 17.2 | 20.2 | 2.3 | 2.1 | 4.6 | 6.2 | -5.4 | 17.3 |
| | TCB | VIETNAM TECHNOLO | 38,900 | 136,341 (5,925) | 380,225 (16.7) | 0.0 | 8.0 | 6.6 | 14.3 | 21.0 | 20.5 | 1.5 | 1.2 | -0.1 | -0.5 | -6.1 | -2.0 |
| | CTG | VIETNAM JS COMM | 28,512 | 137,021 (5,955) | 283,168 (12.4) | 1.4 | 8.4 | 6.5 | 61.1 | 19.6 | 22.9 | 1.5 | 1.2 | 2.2 | 1.9 | -6.3 | -3.5 |
| | VPB | VIETNAM PROSPERI | 22,944 | 101,381 (4,406) | 658,449 (28.8) | 0.0 | 10.8 | 8.7 | 18.8 | 16.6 | 17.3 | 1.7 | 1.4 | -1.0 | -0.8 | 0.4 | 1.8 |
| | MBB | MILITARY COMMERC | 19,407 | 73,327 (3,187) | 614,913 (26.9) | 0.0 | 8.2 | 6.9 | 14.6 | 22.8 | 22.0 | 1.5 | 1.2 | 0.5 | 3.9 | -2.9 | 11.6 |
| | HDB | HDBANK | 20,400 | 40,641 (1,766) | 143,697 (6.3) | 4.2 | 7.6 | 6.6 | 23.3 | 21.8 | 19.8 | - | - | 1.3 | 2.0 | -7.6 | -10.9 |
| | STB | SACOMBANK | 18,600 | 33,548 (1,458) | 625,704 (27.4) | 14.0 | 11.7 | 7.9 | 26.5 | 14.2 | 18.7 | 1.6 | 1.4 | -0.3 | 4.0 | -3.2 | 4.1 |
| | TPB | TIEN PHONG COMME | 20,630 | 28,732 (1,249) | 235,279 (10.3) | 0.0 | 9.1 | 7.7 | 37.4 | 22.2 | 22.3 | 2.0 | 1.6 | -0.4 | 1.5 | -3.8 | -3.5 |
| | EIB | VIETNAM EXPORT-I | 18,500 | 22,745 (988) | 23,738 (1.0) | 0.2 | - | - | 27.3 | - | - | - | - | -1.6 | 7.4 | 2.1 | 9.3 |
| Bảo hiểm | BVH | BAO VIET HOLDING | 61,900 | 45,950 (1,997) | 57,967 (2.5) | 21.0 | 20.0 | 16.3 | 15.8 | 9.7 | 11.0 | 1.8 | 1.7 | 0.0 | -2.1 | -1.2 | 0.4 |
| | BMI | BAOMINH INSURANC | 22,250 | 2,439 (106) | 17,366 (0.8) | 14.2 | 24.2 | 19.2 | 9.1 | 10.8 | 13.1 | 2.2 | 2.1 | 0.8 | -2.1 | 2.1 | -8.7 |
| Chứng khoán | SSI | SSI SECURITIES C | 21,998 | 19,947 (867) | 488,471 (21.4) | 55.4 | 19.6 | 18.4 | -3.2 | 15.2 | 15.2 | - | - | 0.0 | -6.0 | -2.7 | -15.4 |
| | VCI | VIET CAPITAL SEC | 27,500 | 9,108 (396) | 175,077 (7.7) | 71.9 | - | - | -4.0 | - | - | - | - | 0.3 | -6.7 | -0.3 | -19.1 |
| | HCM | HO CHI MINH CITY | 22,265 | 8,907 (387) | 158,267 (6.9) | 52.4 | - | - | -19.0 | - | - | - | - | 1.1 | -5.1 | -4.6 | -22.2 |
| | VND | VNDIRECT SECURIT | 6,983 | 5,734 (249) | 432,652 (18.9) | 27.2 | - | - | 36.3 | - | - | - | - | -1.4 | 0.8 | 11.3 | -3.5 |
| Hàng tiêu dùng thiết yếu | VNM | VIET NAM DAIRYP | 109,000 | 227,805 (9,900) | 166,339 (7.3) | 42.1 | 15.9 | 14.6 | 4.0 | 31.3 | 32.9 | 4.6 | 4.4 | -1.2 | -0.9 | -5.4 | -11.6 |
| | SAB | SAIGON BEER ALCO | 192,500 | 123,447 (5,365) | 23,526 (1.0) | 36.9 | 23.0 | 19.0 | 7.3 | 19.7 | 21.4 | 4.2 | 3.8 | 0.0 | -1.9 | -9.7 | 2.0 |
| | MSN | MASAN GROUP CORP | 95,100 | 111,712 (4,855) | 144,233 (6.3) | 16.5 | 30.0 | 7.2 | -51.9 | 17.9 | 23.0 | 5.0 | 4.0 | -1.8 | -8.0 | 15.3 | -19.3 |
| | HNG | HOANG ANH GIA LA | 12,450 | 13,801 (600) | 115,278 (5.0) | 48.8 | - | - | - | - | - | - | - | 3.0 | 0.8 | 5.0 | -18.4 |
| Công nghiệp (vận tải) | VJC | VIETJET AVIATION | 131,800 | 69,042 (3,001) | 135,675 (5.9) | 11.0 | - | 126.2 | -88.5 | 1.0 | 6.8 | - | - | -1.4 | 4.3 | 2.4 | 13.0 |
| | GMD | GEMADEPT CORP | 33,100 | 9,976 (434) | 181,323 (7.9) | 10.8 | 21.9 | 19.8 | -57.0 | 12.1 | 13.1 | 2.4 | 2.2 | -0.9 | -3.6 | 3.5 | 12.1 |
| | CII | HO CHI MINH CITY | 22,600 | 5,398 (235) | 308,441 (13.5) | 38.4 | 12.4 | 8.0 | 65.7 | 11.2 | 14.9 | 1.4 | 1.2 | -0.5 | -1.0 | 4.6 | -34.2 |
| Công nghiệp (Tư bản) | ROS | FLC FAROS CONSTR | 3,670 | 2,083 (091) | 119,858 (5.2) | 46.4 | - | - | -92.4 | - | - | - | - | 3.9 | 2.8 | 4.4 | -37.3 |
| | GEX | GELEX GROUP JSC | 15,802 | 10,411 (452) | 626,987 (27.5) | 37.7 | 18.4 | 13.5 | -13.2 | 12.0 | 15.1 | - | - | -0.5 | -3.5 | -5.5 | -6.3 |
| | CTD | COTECCONS CONSTR | 73,200 | 5,438 (236) | 51,665 (2.3) | 3.6 | 17.9 | 13.7 | -52.4 | 4.3 | 5.4 | 0.7 | 0.7 | 0.5 | 2.6 | -8.2 | -20.4 |
| | REE | REE | 59,600 | 18,419 (800) | 46,107 (2.0) | 0.0 | 11.1 | 9.3 | -4.5 | 13.8 | 14.4 | 1.5 | 1.4 | 0.8 | 0.1 | 0.4 | 3.9 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn) | GTGD (VNDtỷ, USDmn) | Room còn lại (%,-1d) | P/E (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | | |
|--------------------------------|-----|------------------|---------|-----------------------------------|---------------------|----------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|-----|---------------|------|------|-------|------|
| | | | | | | | 20E | 21E | | 20E | 21E | 20E | 21E | 1D | 1W | 1M | YTD | |
| Tiện ích | GAS | PETROVIETNAM GAS | 90,100 | 172,447 (7,494) | 139,723 (6.1) | 46.1 | 17.6 | 17.3 | -17.5 | 21.5 | 21.7 | 3.6 | 3.4 | -2.9 | - | - | 10.7 | 10.2 |
| | NT2 | PETROVIETNAM NHO | 22,850 | 6,578 (286) | 13,339 (0.6) | 31.4 | 12.1 | 9.7 | -10.5 | 14.3 | 15.8 | 1.5 | 1.4 | -0.2 | -1.1 | -6.4 | -14.3 | |
| | PPC | PHA LAI THERMAL | 26,200 | 8,400 (365) | 3,954 (0.2) | 34.1 | 15.9 | 9.9 | -5.1 | 10.1 | 17.3 | 1.4 | 1.3 | 0.0 | -0.9 | -2.9 | -8.7 | |
| Nguyên vật liệu | HPG | HOA PHAT GRP JSC | 32,481 | 145,287 (6,314) | 1,233,505 (54.0) | 18.0 | 7.1 | 6.8 | 21.9 | 29.2 | 24.5 | 1.8 | 1.4 | -0.5 | -6.5 | -1.2 | -1.0 | |
| | DPM | PETROVIETNAM FER | 17,400 | 6,809 (296) | 484,034 (21.2) | 36.5 | 10.0 | 15.3 | -0.5 | 30.7 | 17.8 | 3.4 | 3.1 | -4.1 | -5.3 | 26.0 | 21.0 | |
| | DCM | PETRO CA MAU FER | 13,650 | 7,226 (314) | 353,293 (15.5) | 46.5 | 8.9 | 13.1 | -4.5 | 29.9 | 17.6 | 2.3 | 2.1 | -6.8 | -9.0 | 33.8 | 11.2 | |
| | HSG | HOA SEN GROUP | 22,636 | 11,063 (481) | 464,021 (20.3) | 38.9 | 6.5 | 6.4 | 67.9 | 24.0 | 20.4 | 1.3 | 1.1 | -1.9 | - | 10.5 | 0.1 | -2.0 |
| | AAA | AN PHAT BIOPLAST | 12,864 | 3,138 (136) | 90,443 (4.0) | 97.2 | 17.2 | 17.2 | 17.2 | 7.0 | - | 1.2 | 1.1 | -0.3 | -0.3 | -2.2 | -12.6 | |
| Năng lượng | PLX | VIETNAM NATIONAL | 56,100 | 68,375 (2,972) | 207,613 (9.1) | 4.6 | 17.9 | 6.8 | -51.0 | 15.4 | 16.4 | 2.1 | 2.0 | -0.7 | -9.0 | -7.0 | 3.5 | |
| | PVD | PETROVIETNAM DRI | 23,400 | 9,854 (428) | 367,497 (16.1) | 39.9 | 31.0 | 16.1 | -11.9 | 3.5 | 6.2 | 1.0 | 1.0 | -3.0 | - | 11.3 | 10.8 | 16.0 |
| | PVT | PETROVIET TRANSP | 17,900 | 5,793 (252) | 167,448 (7.3) | 35.9 | 9.5 | 8.3 | 1.2 | 17.2 | 16.4 | 1.4 | 1.2 | 2.0 | -6.7 | 11.9 | 7.1 | |
| Hàng tiêu dùng không thiết yếu | MWG | MOBILE WORLD INV | 93,000 | 65,024 (2,826) | 167,661 (7.3) | 0.0 | 14.5 | 12.5 | 13.7 | 28.9 | 29.0 | 3.9 | 3.4 | -0.5 | -2.0 | -2.8 | -3.8 | |
| | PNJ | PHU NHUAN JEWELR | 87,500 | 19,895 (865) | 145,223 (6.4) | 0.0 | 17.2 | 13.8 | 2.4 | 21.2 | 20.6 | 3.2 | 2.6 | 0.2 | -4.9 | -4.5 | 7.1 | |
| | YEG | YEAH1 GROUP CORP | 40,300 | 1,261 (055) | 18,803 (0.8) | 70.6 | - | - | - | - | - | - | - | 7.0 | 3.9 | 32.9 | 14.1 | |
| | FRT | FPT DIGITAL RETA | 28,200 | 2,227 (097) | 164,397 (7.2) | 30.3 | 20.1 | 15.9 | -75.2 | 30.7 | 29.9 | 5.4 | 4.2 | 6.9 | 13.7 | 52.2 | 45.5 | |
| | PHR | PHUOC HOA RUBBER | 61,900 | 8,387 (365) | 52,393 (2.3) | 34.6 | 10.3 | 11.5 | 41.2 | 33.6 | 26.0 | 2.8 | 2.3 | 2.0 | -2.6 | -7.2 | 6.5 | |
| Chăm sóc sức khỏe | DHG | DHG PHARMACEUTIC | 100,300 | 13,114 (570) | 5,660 (0.2) | 45.4 | 18.7 | 17.6 | 10.7 | 19.3 | 18.8 | 3.3 | 3.0 | 0.3 | -4.7 | 7.0 | -3.5 | |
| | PME | PYMEPHARCO JSC | 80,200 | 6,016 (261) | #N/A (#N/A) | 11.7 | - | - | 1.6 | - | - | - | - | - | - | - | - | |
| IT | FPT | FPT CORP | 68,000 | 61,301 (2,664) | 116,585 (5.1) | 0.0 | 16.5 | 13.4 | 15.5 | 27.4 | 29.2 | 3.6 | - | 0.4 | -2.7 | -0.9 | -1.1 | |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Lê Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng
tungla@kbsec.com.vn

Nguyễn Ngọc Hiếu
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng
hieunn@kbsec.com.vn

Tiêu Phan Thanh Quang
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
quangtpt@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Mua: | Nắm giữ: | Bán: |
|-------------------|---------------------------|--------------------|
| +15% hoặc cao hơn | trong khoảng +15% và -15% | -15% hoặc thấp hơn |

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Khả quan: | Trung lập: | Kém khả quan: |
|--------------------------|--------------------|--------------------|
| Vượt trội hơn thị trường | Phù hợp thị trường | Kém hơn thị trường |

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.